VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NGHỊ ĐỊNH
Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Nghị định số 162/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng[1].

---

[1] Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 21 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng.".

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hình thức, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với từng hành vi vi phạm hành chính; thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh và thẩm quyền lập biên bản đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam và cá nhân, tổ chức nước ngoài có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong lãnh thổ Việt Nam, trên tàu bay đăng ký quốc tịch Việt Nam.

2. Tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm: Các tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao; các tổ chức nước ngoài hoạt động hàng không dân dụng tại Việt Nam; văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

3. Hộ gia đình, hộ kinh doanh cá thể vi phạm các quy định của Nghị định này bị xử phạt như đối với cá nhân vi phạm.

4. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Mức phạt tiền quy định tại Chương II Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với các tổ chức, trừ mức phạt tiền quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 Điều 6; điểm i, k khoản 1 Điều 7; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 8; khoản 1, 2, 4, 5, 6 Điều 9; khoản 1, 2 và điểm a, b khoản 5 Điều 10; khoản 1, 2, 3, 4 và điểm g khoản 5 Điều 11; khoản 1 Điều 12; điểm b, c khoản 1 và điểm a, c khoản 2 Điều 14; khoản 1, 2 và điểm a, d, đ khoản 3, khoản 4, 5 Điều 15; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 16; khoản 1, 2 Điều 17; khoản 1 và điểm a, b, d khoản 2 Điều 18; khoản 1, 2 Điều 19; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Điều 21; khoản 1, 2 Điều 24; khoản 1, 2, 3 Điều 25; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 Điều 26; điểm a, b, đ khoản 1 Điều 27; khoản 1, 2, 3 và điểm a khoản 4, điểm b khoản 5 Điều 28; khoản 1, 2, 3 Điều 30 Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân. Đối với cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng hai lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Chương III của Nghị định này là thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần đối với cá nhân.

Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép[2] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Ngoài hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên tàu bay và trên phương tiện, thiết bị;

b) Buộc tái xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay đã được nhập khẩu vào Việt Nam;

c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

d) Buộc phá dỡ[3] công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt không có Giấy phép hoặc xây dựng không đúng với Giấy phép;

đ) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

e) Buộc trả lại đồ vật, thiết bị hoặc tài sản đã trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép;

---

[2] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[3] Cụm từ "tháo dỡ" được thay thế bằng cụm từ "phá dỡ" theo quy định tại khoản 26 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

g) Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm hoặc buộc trả lại phần mặt bằng;

h) Buộc thực hiện bảo trì công trình;

i) Buộc tổ chức kiểm tra lại, thi lại;

k) Buộc hủy bỏ kết quả kiểm tra, thi;

l)[4] *(được bãi bỏ);*

m) Buộc hủy bỏ kết quả khám, giám định sức khỏe;

n) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được;

o) Buộc thực hiện bảo dưỡng và lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay.

Điều 4a. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính[5]

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không là 01 năm, trừ trường hợp hành vi vi phạm hành chính về phí, lệ phí; quản lý giá; xây dựng các công trình hàng không; bảo vệ môi trường trong lĩnh vực hàng không; đất đai cảng hàng không, sân bay; kinh doanh hàng hóa tại cảng hàng không; buôn bán hàng cấm, hàng giả thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

2. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc

a) Hành vi vi phạm quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 của Nghị định này. Thời điểm kết thúc hành vi vi phạm là tại thời điểm hoàn thành bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay tại cơ sở bảo dưỡng không được phê chuẩn năng định phù hợp;

b) Hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị định này. Thời điểm kết thúc hành vi vi phạm là từ thời điểm hoàn thành việc kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay tại cơ sở không được phép;

c) Hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 10; điểm d khoản 1 Điều 14; điểm d khoản 1 Điều 20; điểm a, điểm b khoản 1 Điều 23 và điểm c khoản 1 Điều 29 của Nghị định này. Thời điểm kết thúc hành vi vi phạm là thời điểm hết thời hạn báo cáo mà không báo cáo theo quy định;

d) Các hành vi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản này nhưng đã được thực hiện xong trước thời điểm

---

[4] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[5] Điều này được bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

người có thẩm quyền phát hiện hành vi vi phạm thì được xác định là hành vi vi phạm đã kết thúc. Thời điểm hành vi kết thúc được tính từ thời điểm hành vi đã thực hiện xong.

3. Các hành vi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này là các hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.

Chương II
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Mục 1
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÀU BAY

Điều 5. Vi phạm quy định về quốc tịch tàu bay

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa tàu bay vào hoạt động mà dấu hiệu quốc tịch hoặc dấu hiệu đăng ký tàu bay được sơn, gắn trên tàu bay không đúng quy định;

b) Đưa tàu bay mang quốc tịch Việt Nam vào hoạt động mà dấu hiệu được sơn hoặc gắn lên tàu bay có nội dung hoặc hình thức giống hoặc gây nhầm lẫn với tàu bay mang quốc tịch của quốc gia khác.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào hoạt động mà không sơn hoặc gắn dấu hiệu quốc tịch, dấu hiệu đăng ký tàu bay.

3. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào khai thác mà không có Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch, trừ trường hợp thử nghiệm thực tế tính năng bay của tàu bay theo quy định của Bộ Quốc phòng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên tàu bay đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về tiêu chuẩn đủ điều kiện bay

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay không đúng theo Giấy phép đã được cấp;

b) Lưu trữ không đủ hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất tại Việt Nam hoặc nhập khẩu vào Việt Nam tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay mà không có hoặc không phù hợp với Giấy chứng nhận loại tương ứng do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Sử dụng tàu bay, động cơ, cánh quạt, phụ tùng tàu bay không đúng mục đích;

c) Không có hồ sơ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay theo quy định;

d) Không duy trì, cập nhật Chương trình bảo dưỡng tàu bay theo quy định.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Lắp đặt thiết bị vô tuyến điện trên tàu bay đang khai thác mà không có Giấy phép sử dụng thiết bị vô tuyến điện;

b) Làm sai lệch cấu hình tàu bay đã được phê duyệt; làm thay đổi cấu hình tàu bay mà không được phê chuẩn hoặc công nhận;

c) Không thực hiện các chỉ lệnh đủ điều kiện bay, chỉ lệnh khai thác do cơ quan có thẩm quyền công nhận, ban hành;

d) Không thực hiện công việc bảo dưỡng tàu bay theo kế hoạch bảo dưỡng đã được phê chuẩn; không sửa chữa, khắc phục các hỏng hóc của tàu bay phù hợp với các tiêu chuẩn, tài liệu bảo dưỡng tàu bay đã được phê duyệt;

đ) Không duy trì tiêu chuẩn, điều kiện khác của tàu bay phù hợp với cấu hình tàu bay đã được phê chuẩn.

4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với hành vi đưa tàu bay vào khai thác mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tái xuất tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay đã được nhập khẩu vào Việt Nam đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;

b) Buộc loại bỏ các yếu tố vi phạm trên tàu bay đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm b, c, d, đ khoản 3 Điều này.

Điều 7. Vi phạm quy định về bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay

1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì đủ điều kiện của tổ chức bảo dưỡng tàu bay về tổ chức bộ máy, nhà xưởng, công cụ, dụng cụ, phụ tùng, vật tư;

b) Không duy trì đủ điều kiện về trang bị, thiết bị mặt đất phục vụ bảo dưỡng tàu bay theo tài liệu bảo dưỡng tàu bay đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

c) Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, thân tàu bay, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay ngoài phạm vi năng định được phê chuẩn;

d) Thuê dịch vụ bảo dưỡng, bảo dưỡng dự phòng, cải tiến đối với toàn bộ sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận loại trong phạm vi năng định của tổ chức bảo dưỡng đã được cấp giấy phép;

đ) Che giấu sai sót trong bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay;

e) Không thực hiện đánh giá nhà thầu phụ, giám sát công việc bảo dưỡng của nhà thầu phụ;

g) Không có đủ hoặc không cập nhật đủ, kịp thời tài liệu, dữ liệu bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay, động cơ, cánh quạt của tàu bay và thiết bị tàu bay theo quy định;

h) Lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay không đầy đủ theo quy định;

i) Không bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay theo chương trình bảo dưỡng đã được phê chuẩn;

k) Bảo dưỡng, thuê bảo dưỡng tàu bay, động cơ, cánh quạt, trang bị, thiết bị của tàu bay tại cơ sở bảo dưỡng không được phê chuẩn năng định phù hợp.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay theo quy định;

b) Kiểm tra, hiệu chuẩn thiết bị bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay tại cơ sở không được phép;

c) Không lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay theo quy định.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện bảo dưỡng và lập hồ sơ bảo dưỡng tàu bay đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm h, i, k khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 8. Vi phạm quy định về khai thác tàu bay

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tuân theo hướng dẫn về bảo đảm trật tự, an ninh, an toàn hàng không, phòng chống dịch bệnh của thành viên tổ bay;

b) Sử dụng trái phép trang bị, thiết bị an toàn trên tàu bay.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[6] Hút thuốc, kể cả thuốc lá điện tử hoặc gây khói, cháy trên tàu bay;

b) Sử dụng thiết bị điện tử, thiết bị thu phát sóng trên tàu bay khi không được phép;

c) Làm hư hỏng trang bị, thiết bị của tàu bay;

d) Thực hiện thông thoại không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mở cửa của tàu bay khi không được phép;

b) Không bảo đảm đủ giấy tờ, tài liệu mang theo tàu bay;

c) Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đối với quyền lợi của người thứ ba ở mặt đất không đến giới hạn trách nhiệm theo quy định;

d) Không nộp hoặc nộp không đủ hoặc nộp không đúng thời hạn bản cân bằng trọng tải, bản khai tổng hợp, danh sách hành khách, bản kê khai hàng hóa của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ hàng không theo quy định;

đ) Thực hiện thông thoại không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động gây uy hiếp an toàn hàng không.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa tàu bay vào hoạt động với trang bị, thiết bị của tàu bay không có chứng chỉ phù hợp;

---

[6] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc không thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đối với quyền lợi của người thứ ba ở mặt đất;

c) Khai thác tàu bay thiếu trang bị, thiết bị an toàn;

d) Không mang đủ giấy tờ, tài liệu mang theo tàu bay;

đ) Không tổ chức kiểm tra bên trong và bên ngoài tàu bay;

e) Không thực hiện việc xác định trọng lượng rỗng của tàu bay.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với hành vi khai thác tàu bay vì mục đích thương mại mà không được phép.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì đủ điều kiện khai thác tàu bay về: Tổ chức bộ máy; phương thức điều hành và giám sát khai thác tàu bay; trang bị, thiết bị khai thác tàu bay theo quy định;

b) Không cập nhật, duy trì hệ thống tài liệu an toàn, hướng dẫn khai thác theo quy định.

Mục 2
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY

Điều 9. Vi phạm quy định về quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Nuôi, thả chim, gia súc, gia cầm, vật nuôi trong cảng hàng không, sân bay;

b) Đặt, sử dụng trái phép vật, động vật, côn trùng thu hút chim và động vật vào cảng hàng không, sân bay;

c) Làm hư hỏng phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay;

d) Không mặc áo phản quang hoặc áo có gắn dải phản quang khi hoạt động trong khu bay.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Di chuyển, hủy hoại, gây hư hại, làm biến dạng vật đánh dấu, vật ngăn cách, vật ghi tín hiệu, vật bảo vệ tại cảng hàng không, sân bay; làm sai lệch ký hiệu, làm hư hại bảng hiệu, thiết bị nhận biết cảng hàng không, sân bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Khoan, đào trái phép trong cảng hàng không, sân bay;

c) Di chuyển, làm sai lệch, làm hư hỏng mốc chỉ giới sử dụng đất, mốc quy hoạch cảng hàng không, sân bay, mốc định vị, mốc giới công trình tại cảng hàng không, sân bay;

d) Không hoàn trả mặt bằng; không di chuyển vật tư, máy móc, thiết bị và tài sản khác của nhà thầu ra khỏi cảng hàng không, sân bay sau khi công trình đã được nghiệm thu, bàn giao;

đ) Không làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký cảng hàng không, sân bay khi có thay đổi về: Tên, địa chỉ của chủ sở hữu hoặc người khai thác cảng hàng không, sân bay; tên cảng hàng không, sân bay; vị trí, tọa độ điểm quy chiếu cảng hàng không, sân bay; cấp sân bay; mục đích khai thác; năng lực khai thác;

e)[7] Không cập nhật, sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[8] Không thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến hoạt động bay hoặc sửa chữa, khắc phục hư hỏng trong trường hợp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay bị hư hỏng đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không;

---

[7] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[8] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b)[9] Thực hiện không đúng biện pháp hoặc phương án tổ chức thi công theo quy định khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay;

c) Lắp đặt, sử dụng các loại đèn, nguồn sáng, ký hiệu, tín hiệu hoặc các vật thể trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến việc tàu bay cất cánh, hạ cánh, di chuyển tại cảng hàng không, sân bay hoặc việc nhận biết cảng hàng không, sân bay, trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 5 Điều này;

d) Xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị kỹ thuật trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay vi phạm quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không;

đ) Không thực hiện đo hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh;

e)[10] *(được bãi bỏ);*

g) Không thực hiện đánh giá ảnh hưởng đối với an toàn khai thác khi có sự thay đổi thông số kỹ thuật và phương án khai thác của kết cấu hạ tầng sân bay;

h) Không đủ tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành;

i) Thực hiện không đúng lộ trình cải tạo, nâng cấp hạng mục, công trình của cảng hàng không, sân bay để bảo đảm người cao tuổi, người khuyết tật tiếp cận, sử dụng;

k)[11] Thay đổi thời gian xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay có ảnh hưởng đến hoạt động bay đã được thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không mà không thống nhất với các cơ quan, tổ chức liên quan, trước khi thực hiện quy trình thông báo sự thay đổi;

---

[9] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[10] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[11] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

l)[12] Thực hiện không đúng phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có hoặc có nhưng không tổ chức thực hiện Chương trình phòng chống chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không, sân bay;

b) Không thực hiện kiểm tra, duy trì đủ điều kiện bảo đảm an toàn khai thác khu bay;

c) Không thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;

d)[13] Không thực hiện biện pháp hoặc phương án tổ chức thi công theo quy định khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay;

đ)[14] Không kiểm tra tình trạng mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay theo quy định nhằm loại bỏ các vật ngoại lai;

e)[15] Không thực hiện phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[12] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[13] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[14] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[15] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a) Sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay không đúng mục đích;

b) Chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng, cho, cho thuê, thế chấp, góp vốn bằng quyền sử dụng đất tại cảng hàng không, sân bay;

c) Bán, cho thuê, thế chấp, góp vốn bằng tài sản thuộc sở hữu của mình gắn liền với đất cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

d) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không đủ đèn tín hiệu, cảnh báo, biển báo, biển chỉ dẫn, biển cấm trong cảng hàng không, sân bay;

đ) Không thiết lập hoặc thiết lập không đủ hoặc không đúng quy cách vạch sơn tín hiệu, chỉ dẫn, cảnh báo trong sân bay;

e) Đưa công trình vào khai thác hoặc đóng tạm thời công trình, một phần kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay mà không thực hiện thủ tục theo quy định;

g) Không có tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành;

h) Không có phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

i) Không thực hiện lộ trình cải tạo, nâng cấp các hạng mục, công trình của cảng hàng không, sân bay để bảo đảm người cao tuổi, người khuyết tật tiếp cận, sử dụng;

k)[16] Lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

l) Lấn, chiếm đất cảng hàng không, sân bay;

m)[17] Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án đảm bảo an ninh hàng không, an toàn hàng không;

---

[16] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[17] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

n)[18] Xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay không phù hợp với mục đích sử dụng, quy hoạch cảng hàng không, sân bay, bản vẽ tổng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

o)[19] Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án tổ chức thi công.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với hành vi khai thác cảng hàng không, sân bay không có Giấy chứng nhận khai thác cảng hàng không, sân bay.

7. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi không duy trì đủ điều kiện khai thác cảng hàng không, sân bay về tổ chức bộ máy; tiêu chuẩn kỹ thuật của cảng hàng không, sân bay; trang bị, thiết bị và tài liệu khai thác sân bay đã được phê duyệt.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 1 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;

b) Buộc phá dỡ[20] công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 3, điểm m khoản 5 Điều này;

c) Buộc trả lại đất đã lấn, chiếm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm 1 khoản 5 Điều này;

d)[21] Buộc điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, bản vẽ tổng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi quy định tại điểm n khoản 5 Điều này.

---

[18] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[19] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[20] Cụm từ "tháo dỡ" được thay thế bằng cụm từ "phá dỡ" theo quy định tại khoản 26 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[21] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 3 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 10. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[22] Cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không mà không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, sản phẩm bán ra; không niêm yết công khai; không đảm bảo sản phẩm đúng nhãn mác; không có chứng nhận công bố chất lượng sản phẩm, nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa;

b)[23] Đặt biển quảng cáo, sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo tại khu bay hoặc tại vị trí cửa thoát hiểm của các công trình tại cảng hàng không, sân bay;

c)[24] Sử dụng âm thanh để quảng cáo tại các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay; tại các công trình khác ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ hàng không;

d)[25] Đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, cản trở luồng di chuyển của người và phương tiện tại cảng hàng không, sân bay;

đ)[26] Xây dựng công trình quảng cáo, lắp đặt phương tiện quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga, hệ thống biển báo trong nhà ga.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[22] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[23] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[24] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[25] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[26] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a) Quảng cáo bằng khinh khí cầu, bóng bay, diều hoặc các vật thể bay khác trong khu vực cảng hàng không, sân bay;

b) Quảng cáo trên phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, thiết bị tại sân đỗ tàu bay làm ảnh hưởng đến hoạt động bay hoặc tính năng hoạt động bình thường của phương tiện, thiết bị;

c) Bố trí mặt bằng cung cấp dịch vụ phi hàng không trong nhà ga mà không tuân thủ tài liệu khai thác cảng hàng không, sân bay được phê duyệt;

d) Không đảm bảo các điều kiện vệ sinh của nhà ga hành khách, hàng hóa theo quy định;

đ) Bán hàng rong tại khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay;

e)[27] Lắp đặt các thiết bị điện tử, màn hình để quảng cáo trên các phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo số liệu về khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định;

b) Không bố trí đủ thiết bị, hệ thống biển báo, phát thanh thông tin về chuyến bay và thông tin cho hành khách tại nhà ga của cảng hàng không, sân bay;

c) Không bố trí quầy nước miễn phí tại khu vực cách ly trong nhà ga của cảng hàng không, sân bay;

d) Không có xe lăn phục vụ người khuyết tật tại nhà ga của cảng hàng không, sân bay;

đ) Không có xe nâng hoặc phương tiện phù hợp phục vụ hành khách cần trợ giúp đặc biệt.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vi phạm quyền tự do lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hàng không của hãng hàng không;

b) Không duy trì đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ hàng không về vốn tối thiểu; tổ chức bộ máy; trang bị, thiết bị và các điều kiện bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không;

---

[27] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Không tổ chức đấu thầu lựa chọn tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng, cung ứng dịch vụ phi hàng không theo quy định;

d) Không có thiết bị, hệ thống biển báo, phát thanh thông tin về chuyến bay và thông tin cho hành khách tại nhà ga của cảng hàng không, sân bay theo quy định;

đ)[28] Tổ chức kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại khu bay trái quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ cấm kinh doanh;

b) Xây dựng, lắp đặt màn hình, biển hiệu, bảng quảng cáo độc lập ngoài trời tại cảng hàng không, sân bay không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà không có Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không;

d) Ngừng cung cấp dịch vụ hàng không làm gián đoạn hoạt động hàng không dân dụng mà không thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

đ) Không có quy chế kiểm soát khai thác xe taxi; không thông báo công khai trong nhà ga về hãng taxi được nhượng quyền, giá vận chuyển taxi;

e) Vi phạm các quy định về giá dịch vụ chuyên ngành hàng không;

g)[29] Không duy trì đủ điều kiện khai thác công trình, phương tiện, thiết bị cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi không duy trì đủ điều kiện kinh doanh cảng hàng không, sân bay về vốn tối thiểu; tổ chức bộ máy; trang bị, thiết bị và các điều kiện cần thiết để bảo đảm an toàn hàng không, an ninh hàng không.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều này;

---

[28] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[29] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Buộc phá dỡ[30] công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều này;

c) Buộc trả lại phần mặt bằng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này.

Điều 11. Vi phạm quy định về đi lại, điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hoạt động trong cảng hàng không, sân bay

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không bật đèn chiếu sáng, đèn cảnh báo khi điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị trong khu bay theo quy định;

b) Để người ngồi trong buồng lái của phương tiện hoạt động trong cảng hàng không, sân bay quá số lượng quy định;

c) Không chấp hành chỉ dẫn theo biển báo, vạch sơn kẻ tín hiệu, đèn tín hiệu theo quy định;

d) Đi lại trên sân đỗ tàu bay không đúng phần đường hoặc đi lại ở những nơi không được phép.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển phương tiện trong sân bay không giữ khoảng cách an toàn với tàu bay theo quy định;

b) Điều khiển phương tiện hoạt động trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay không làm chủ, không tuân thủ giới hạn tốc độ theo quy định;

c) Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay quá tốc độ quy định khi kéo đẩy tàu bay;

d) Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo trước khi điều khiển phương tiện trong cảng hàng không, sân bay;

đ) Điều khiển phương tiện trong cảng hàng không, sân bay mà chuyển hướng không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ theo quy định;

e) Điều khiển phương tiện trong sân bay vượt phương tiện khác trong các trường hợp không được phép vượt hoặc không báo hiệu trước khi vượt;

---

[30] Cụm từ "tháo dỡ" được thay thế bằng cụm từ "phá dỡ" theo quy định tại khoản 26 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

g) Điều khiển phương tiện trong sân bay bấm còi, rú ga liên tục, trừ các phương tiện ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ;

h) Không có bộ đàm để liên lạc hai chiều; không giữ liên lạc bằng bộ đàm với kiểm soát viên không lưu khi hoạt động trong sân bay theo quy định;

i) Dừng, đỗ phương tiện trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

k) Điều khiển phương tiện di chuyển trong khu vực sân đỗ tàu bay khi không được phép.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển phương tiện đi không đúng luồng, tuyến, làn đường hoặc phần đường trong cảng hàng không, sân bay;

b) Điều khiển phương tiện hoạt động ngoài khu vực an toàn cho tàu bay quá tốc độ từ 10 km/h trở lên;

c) Điều khiển phương tiện hoạt động trong khu vực an toàn cho tàu bay quá tốc độ quy định;

d) Không chấp hành huấn lệnh hoặc hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu khi hoạt động trong sân bay;

đ) Điều khiển phương tiện trong cảng hàng không, sân bay không chấp hành hiệu lệnh, hướng dẫn của người có trách nhiệm;

e) Di chuyển trên đường cất hạ cánh, đường lăn khi không được phép;

g) Đưa phương tiện vào hoạt động trong sân bay không có đủ đèn chiếu sáng, đèn soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, dụng cụ thoát hiểm theo quy định hoặc có nhưng thiết bị đó không có tác dụng;

h) Đưa phương tiện vào khai thác mà không có đủ tài liệu kỹ thuật của phương tiện theo quy định;

i) Để phương tiện, trang bị, thiết bị trong cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

k) Đưa phương tiện, thiết bị vào hoạt động trong sân bay không đúng mục đích sử dụng đã được cấp;

l) Không nhường đường cho người, phương tiện ưu tiên hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ trong cảng hàng không, sân bay.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với hành vi điều khiển phương tiện chạy ngược chiều hoặc chạy vào khu vực cấm trong cảng hàng không, sân bay.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đưa vào khai thác trong cảng hàng không, sân bay các phương tiện, thiết bị không đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn kỹ thuật được áp dụng;

b) Đưa vào khai thác trong cảng hàng không, sân bay phương tiện, thiết bị không được kiểm định hoặc hết hạn kiểm định theo quy định;

c) Đưa phương tiện quá niên hạn sử dụng vào hoạt động trong cảng hàng không, sân bay;

d) Đưa phương tiện, thiết bị vào khai thác trong cảng hàng không, sân bay không có Giấy phép hoặc biển số do cơ quan có thẩm quyền cấp;

đ) Bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện, thiết bị hoạt động trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay không đúng quy định về bảo dưỡng, sửa chữa;

e) Đưa phương tiện, thiết bị chế tạo, sản xuất, cải tiến tại Việt Nam vào khai thác tại cảng hàng không, sân bay mà không có Giấy chứng nhận đủ điều kiện kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

g) Điều khiển phương tiện di chuyển trên đường cất hạ cánh, đường lăn khi không được phép.

6.[31] Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 05 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại khoản 2 và các điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm l khoản 3, khoản 4 và điểm g khoản 5 Điều này.

Điều 12. Vi phạm quy định về phòng, chống thiên tai và khẩn nguy sân bay

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai và khẩn nguy sân bay theo quy định;

b) Không thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chằng néo, neo đỗ tàu bay tại sân đỗ tàu bay, hệ thống thoát nước tại khu vực cảng hàng không, sân bay;

---

[31] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Không tổ chức kiểm tra, gia cố cơ sở, công trình, nhà xưởng, đài trạm theo quy định;

d) Không duy trì đầy đủ các điều kiện của cấp cứu hỏa sân bay được công bố.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai, phương án khẩn nguy sân bay theo quy định;

b) Không có hoặc không đủ phương tiện, thiết bị phòng chống thiên tai, hệ thống chằng néo, neo đỗ tàu bay tại sân đỗ tàu bay theo quy định.

Điều 13. Vi phạm quy định về bảo trì công trình hàng không

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với hành vi không thực hiện bảo trì công trình hàng không theo kế hoạch được phê duyệt.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện bảo trì công trình hàng không theo quy định đối với hành vi quy định tại khoản 1 Điều này.

Mục 3
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 14. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác tàu bay

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đúng quy trình kiểm soát nội bộ việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay;

b) Khai thác tàu bay mà có tiếng ồn của tàu bay vượt quá giới hạn trong Giấy chứng nhận tiếng ồn;

c) Khai thác tàu bay mà khí thải từ động cơ tàu bay vượt quá giới hạn;

d) Không thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong khai thác tàu bay;

đ)[32] Không xây dựng kế hoạch giám sát nhiên liệu theo quy định;

---

[32] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

e)[33] Không gửi kế hoạch giám sát nhiên liệu theo quy định;

g)[34] Không thực hiện báo cáo phát thải đối với chuyến bay quốc tế; nhiên liệu đối với các chuyến bay nội địa theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác tàu bay mà không có Giấy chứng nhận tiếng ồn do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc công nhận;

b) Không có quy trình kiểm soát nội bộ việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay;

c) Sử dụng hóa chất diệt côn trùng, diệt khuẩn và vệ sinh trong tàu bay không tuân theo quy định tại danh mục hóa chất, phế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế được phép đăng ký để sử dụng, được phép đăng ký nhưng hạn chế sử dụng và cấm sử dụng tại Việt Nam.

Điều 15. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trong cảng hàng không, sân bay không đúng nơi quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không áp dụng biện pháp ngăn ngừa việc phát thải bụi, rơi vãi chất thải rắn, chất thải lỏng trong quá trình thu gom, vận chuyển chất thải;

b) Không tuân thủ quy định, quy trình về sử dụng thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ tại cảng hàng không, sân bay.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[33] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[34] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a)[35] *(được bãi bỏ);*

b) Đưa vào khai thác trong sân bay phương tiện, thiết bị không đáp ứng điều kiện bảo vệ môi trường;

c) Đưa thiết bị bức xạ, nguồn phóng xạ vào sử dụng tại cảng hàng không, sân bay mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

d) Làm rơi vãi vật liệu, phế thải, phát thải bụi trong cảng hàng không, sân bay;

đ) Không thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đổ vật liệu, phế thải trái phép trong cảng hàng không, sân bay;

b) Không thực hiện đúng kế hoạch đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ môi trường cho cán bộ, nhân viên theo quy định;

c) Không thực hiện đúng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và quy trình ứng phó sự cố môi trường;

d) Không thực hiện đúng kế hoạch giám sát môi trường trong cảng hàng không, sân bay theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sản xuất, kinh doanh hoặc cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay mà không có hoặc không duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường;

b) Không tổ chức khử trùng chất thải từ tàu bay theo yêu cầu của cơ quan kiểm dịch y tế quốc tế về dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm;

c) Không có kế hoạch bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi khai thác cảng hàng không, sân bay không có bản đồ tiếng ồn; giải pháp hạn chế tiếng ồn theo quy định.

7. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với hành vi đưa cảng hàng không, sân bay vào khai thác mà không có hoặc không duy trì hoạt động của hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

---

[35] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm d khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều này.

Mục 4
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC THEO TÀI LIỆU, QUY TRÌNH VÀ YÊU CẦU CÔNG VIỆC CỦA NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC; ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ HÀNG KHÔNG, SỬ DỤNG NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG[36]

Điều 16. Vi phạm quy định về thực hiện công việc theo tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc[37]

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không mang theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe còn hiệu lực khi làm nhiệm vụ;

b) Không mang theo Giấy phép nhân viên hàng không phù hợp còn hiệu lực khi làm nhiệm vụ;

c) Thực hiện nhiệm vụ nhân viên hàng không quá thời gian làm việc; nghỉ không đủ thời gian theo quy định, trừ thành viên tổ lái, kiểm soát viên không lưu và nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay;

d) Không đáp ứng đầy đủ yêu cầu, điều kiện của nhân viên hàng không theo quy định khi thực hiện nhiệm vụ.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[36] Tên mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[37] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a) Sử dụng điện thoại di động khi thực hiện nhiệm vụ điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị trong khu bay, điều hành bay, điều khiển tàu bay;

b)[38] Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm đ khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này;

c) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay quá thời gian làm việc; nghỉ không đủ thời gian theo quy định.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[39] Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm đ khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này;

b)[40] Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc;

c) Điều khiển tàu bay trên đường lăn, sân đỗ tàu bay không theo huấn lệnh của kiểm soát viên không lưu, hệ thống dẫn đỗ tàu bay, hướng dẫn của nhân viên đánh tín hiệu;

d)[41] Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm e khoản 5 Điều này.

---

[38] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[39] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[40] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[41] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[42] Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc gây uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm đ khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận;

c)[43] Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận gây uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm e khoản 5 Điều này;

d) Không có một trong các loại giấy tờ phù hợp khi thực hiện nhiệm vụ: Giấy phép nhân viên hàng không, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, chứng nhận trình độ tiếng Anh;

đ)[44] Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu của công việc, quy trình phối hợp hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 và điểm d khoản 5 Điều này;

e) Uống rượu, bia trong giờ làm việc hoặc có nồng độ cồn trong hơi thở, trong máu khi thực hiện nhiệm vụ;

g) Điều khiển tàu bay trên đường lăn, sân đỗ tàu bay không theo huấn lệnh, hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu, hệ thống dẫn đỗ tàu bay, nhân viên đánh tín hiệu làm ảnh hưởng đến hoạt động hàng không mà chưa uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;

---

[42] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[43] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[44] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

h) Sử dụng các chất ma túy hoặc có kết quả dương tính đối với các chất ma túy khi thực hiện nhiệm vụ.

5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[45] Sử dụng Giấy phép nhân viên hàng không, năng định, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, chứng nhận trình độ tiếng Anh không do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp;

b) Không thực hiện đúng nhiệm vụ hướng dẫn, huấn luyện thực hành để người học có hành vi vi phạm gây uy hiếp an toàn hàng không;

c) Cung cấp thông tin không trung thực hoặc có hành vi lừa dối khi xin cấp giấy phép, năng định nhân viên hàng không;

d)[46] Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;

đ) Điều khiển tàu bay trên đường lăn, sân đỗ tàu bay không theo huấn lệnh, hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu, nhân viên đánh tín hiệu, hệ thống dẫn đỗ tàu bay gây uy hiếp an toàn hàng không;

e) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;

g) Điều khiển tàu bay vi phạm quy tắc bay, phương thức bay, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản 3, điểm g khoản 4, điểm đ khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều này.

6. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Điều khiển tàu bay vi phạm quy tắc bay, phương thức bay gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;

---

[45] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm g khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[46] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm h khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Xả, thả trái phép nhiên liệu, hành lý, hàng hóa hoặc các đồ vật khác từ tàu bay xuống;

c) Quyết định thực hiện chuyến bay mà không có đủ thành viên tổ bay theo quy định.

7. Hình thức xử phạt bổ sung:

a)[47] Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, điểm c, điểm h khoản 4, điểm b, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này;

b)[48] Tước quyền sử dụng giấy phép từ 03 tháng đến 05 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với các hành vi quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

Điều 17. Vi phạm quy định về bố trí, sử dụng, giám sát nhân viên hàng không và thực hiện công việc theo tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Bố trí thời giờ làm việc hoặc thời giờ nghỉ ngơi cho nhân viên hàng không không đúng quy định;

b) Không duy trì tổ chức ca trực, kỷ luật ca trực theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy trình giám sát an toàn, giám sát chất lượng công việc.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với hành vi không bố trí hoặc bố trí không đủ nhân viên làm việc hoặc bố trí nhân viên làm việc mà không có Giấy phép, năng định, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, chứng nhận trình độ tiếng Anh theo quy định.

---

[47] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[48] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm i khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 18. Vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ hàng không[49]

1.[50] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với hành vi thuê, nhờ người khác hoặc làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài kiểm tra, bài thi chuyên môn, nghiệp vụ; bài đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho các đối tượng yêu cầu phải đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định;

b)[51] Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ hàng không không đúng nội dung; không đủ số giờ theo quy định;

c)[52] Sử dụng giáo viên đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ hàng không mà không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

d)[53] Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đủ hồ sơ đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

---

[49] Tên điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[50] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[51] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[52] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[53] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

a) Không duy trì đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không về: Tổ chức bộ máy; nhân lực; phòng học; trang bị, thiết bị; cơ sở thực hành; đội ngũ giáo viên; chương trình đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ; giáo trình, tài liệu giảng dạy theo giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b)[54] Đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ hàng không ngoài phạm vi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này.

5.[55] Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 19. Vi phạm quy định về giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Cung cấp thông tin không đúng về tình trạng sức khỏe khi đề nghị khám, giám định sức khỏe;

b) Sử dụng rượu, bia, thuốc lá khi đang thực hiện khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm sai lệch kết quả khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không;

b) Khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không không đúng chuyên khoa của giám định viên y khoa hàng không được phê chuẩn.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn trang bị, thiết bị y tế phục vụ công tác khám, giám định sức khỏe theo quy định;

---

[54] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[55] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm đ khoản 9 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Bố trí người khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không, thực hiện các nghiệm pháp y học hàng không mà không có bằng chuyên môn hoặc chứng chỉ y học hàng không hoặc trong thời gian bị đình chỉ hoạt động theo quy định;

c) Bố trí người không được phê chuẩn là giám định viên y khoa hàng không thực hiện khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không;

d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đủ hồ sơ khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không theo quy định.

4.[56] Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì điều kiện về tổ chức bộ máy; trang bị, thiết bị; quy trình khám, giám định; đội ngũ nhân viên theo Giấy chứng nhận cơ sở y tế khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không đã được cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Không có hệ thống đảm bảo chất lượng hoặc hình thức tương đương được chấp thuận theo quy định.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với cá nhân vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc hủy bỏ kết quả khám, giám định sức khỏe đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 2 và các điểm b, c khoản 3 Điều này.

Mục 5
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 20. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thông báo kịp thời cho các cơ sở cung cấp dịch vụ tìm kiếm, cứu nạn khi nhận được tín hiệu, thông báo hoặc tin tức về tàu bay đang trong tình trạng lâm nguy, lâm nạn;

---

[56] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không có hoặc không có đủ tài liệu khai thác, bảo dưỡng thiết bị, hệ thống kỹ thuật theo quy định;

c) Không có hoặc không đủ các tài liệu nghiệp vụ tại cơ sở theo quy định;

d) Không báo cáo số liệu về tình hình hoạt động bay của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị không theo đúng Giấy phép khai thác đã được cấp;

b) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định về bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hệ thống kỹ thuật theo quy định;

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị đo lường, kiểm chuẩn phục vụ công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, hệ thống kỹ thuật theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì đủ điều kiện khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay về tổ chức bộ máy; hệ thống kỹ thuật, thiết bị; tài liệu hướng dẫn khai thác;

b) Khai thác hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay mà không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) đối với hành vi khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay mà không có Giấy phép khai thác cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý hoạt động bay

1.[57] Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với hành vi thả thiết bị, vật dụng và các vật thể khác vào không trung ảnh hưởng đến hoạt động bay.

---

[57] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm hư hỏng hệ thống kỹ thuật, thiết bị bảo đảm hoạt động bay;

b) Không thực hiện đúng quy định về sơn, kẻ, lắp đèn cảnh báo chướng ngại vật hàng không.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị kỹ thuật vi phạm giới hạn chướng ngại vật hàng không ngoài cảng hàng không, sân bay, trừ công trình, thiết bị kỹ thuật trong cảng hàng không, sân bay và khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay;

b) Sử dụng đèn laze, thiết bị chiếu sáng khác trái quy định gây ảnh hưởng đến hoạt động bay, trừ trường hợp quy định tại điểm k khoản 5 Điều 9 Nghị định này.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với hành vi cung cấp thông tin không trung thực hoặc có hành vi lừa dối khi xin phép bay.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi thực hiện chuyến bay không đúng với phép bay đã được cấp.

6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với hành vi thực hiện chuyến bay mà không có phép bay do cơ quan có thẩm quyền cấp.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phá dỡ[58] công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

Mục 6
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG KHÔNG VÀ HOẠT ĐỘNG HÀNG KHÔNG CHUNG

Điều 22. Vi phạm quy định về thành lập doanh nghiệp vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

[58] Cụm từ "tháo dỡ" được thay thế bằng cụm từ "phá dỡ" theo quy định tại khoản 26 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không đăng ký điều lệ vận chuyển hàng không với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

b)[59] Không thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi có những thay đổi phải thông báo; nội dung thông báo;

c)[60] Không niêm yết hoặc công bố công khai đường dây nóng theo quy định.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với hành vi thực hiện hoạt động hàng không chung không vì mục đích thương mại mà không có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với hành vi kinh doanh hàng không chung mà không có Giấy phép kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp.

4. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi không duy trì đủ điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không và Giấy phép kinh doanh hàng không chung.

5. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) đối với hành vi kinh doanh vận chuyển hàng không khi chưa được cấp quyền vận chuyển hàng không.

Điều 23. Vi phạm quy định về khai thác vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo số liệu vận chuyển hàng không cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định;

b) Không thực hiện đúng chế độ báo cáo về hoạt động đại diện, bán vé cho hãng hàng không nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

---

[59] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 12 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[60] Điểm này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 12 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Thực hiện hợp đồng hợp tác liên quan đến quyền vận chuyển hàng không mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

d) Thực hiện liên danh với nhau trên các đường bay quốc tế đi, đến Việt Nam mà lịch bay liên danh chưa được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phê duyệt;

đ) Không làm thủ tục đề nghị cấp lại khi thay đổi nội dung của Giấy phép thành lập văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài theo quy định;

e) Không gửi quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

g)[61] Không thông báo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kể từ ngày được cấp Giấy phép theo quy định;

h)[62] Không hoạt động tại trụ sở kể từ ngày được cấp Giấy phép mở Văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài; không đăng tin trên một tờ báo được phát hành tại Việt Nam theo quy định;

i)[63] Không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thay đổi nhân sự là người nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện hoạt động sinh lời trực tiếp tại Việt Nam, giao kết hợp đồng, sửa đổi, bổ sung hợp đồng đã giao kết không đúng quyền và nghĩa vụ của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài;

---

[61] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[62] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[63] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không có quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không;

c) Thực hiện không đúng quy định về giá cước vận chuyển hàng không;

d) Sơn hoặc gắn thương hiệu trên tàu bay gây nhầm lẫn với tàu bay của hãng hàng không khác.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé tại Việt Nam mà không có Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé;

b) Xuất vận đơn hàng không thứ cấp mà không có Giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Kinh doanh vận chuyển hàng không vi phạm quy định về quyền vận chuyển hàng không đã được cấp; mua, bán, chuyển nhượng quyền vận chuyển hàng không;

b) Vận chuyển vũ khí, dụng cụ chiến tranh, chất thải hạt nhân và công cụ hỗ trợ mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 24. Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với hành vi dán nhãn, ghi ký nhãn hiệu hàng hóa nguy hiểm trên bao bì không đúng quy định khi vận chuyển bằng đường hàng không.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gửi hàng hóa nguy hiểm mà không khai báo hoặc khai báo sai;

b) Đóng gói bao bì hàng hóa nguy hiểm không đúng quy định khi vận chuyển bằng đường hàng không.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc giảm giá vé cho người cao tuổi, người khuyết tật đi tàu bay theo quy định;

b) Từ chối chuyên chở công cụ, thiết bị hỗ trợ của hành khách đặc biệt hoặc thu tiền chuyên chở công cụ, thiết bị hỗ trợ của hành khách đặc biệt không đúng quy định;

c) Thu tiền đối với dịch vụ xe lăn tại nhà ga; dịch vụ phục vụ hành khách là người già yếu, khiếm thị, khiếm thính;

d) Không công bố công khai các trường hợp được bồi thường ứng trước không hoàn lại, mức bồi thường, chi tiết phương thức và thời hạn bồi thường, địa chỉ cụ thể thực hiện việc bồi thường theo quy định;

đ) Không bố trí nhân viên trợ giúp hành khách làm thủ tục tại khu vực làm thủ tục trước giờ đóng quầy theo quy định;

e) Không tổ chức giám sát hoạt động đưa hành khách lên tàu bay theo quy định;

g) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trách nhiệm đối với hành khách tại điểm đến, điểm nối chuyến theo quy định;

h) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ khi vận chuyển hành khách đặc biệt;

i) Không cập nhật thông tin chuyến bay bị hủy, bị chậm kéo dài lên hệ thống thông tin của cảng hàng không theo quy định;

k) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nguyên tắc về kinh doanh hệ thống đặt giữ chỗ bằng máy tính;

l)[64] Không cung cấp thông tin về nguyên nhân hủy chuyến bay, chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định;

m)[65] Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại theo quy định.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Thực hiện không đúng quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường hàng không;

b) Vận chuyển hành khách bị cấm vận chuyển, trừ trường hợp được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

---

[64] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[65] Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách bị từ chối vận chuyển;

d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trong trường hợp hành lý, hàng hóa bị hư hỏng, bị mất, bị thất lạc;

đ) Từ chối vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa không đúng quy định;

e) Không thực hiện vận chuyển hành khách là người khuyết tật theo quy định.

5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Vận chuyển hành lý không đi cùng hành khách, trừ các trường hợp được phép theo quy định;

b) Tổ chức các sự kiện trên tàu bay có thể gây uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không mà không được phép của cơ quan có thẩm quyền;

c) Chất, xếp hàng hóa không đúng quy định;

d) Mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi không đến giới hạn trách nhiệm theo quy định;

đ) Không thực hiện đúng theo giấy chứng nhận đăng ký xuất vận đơn hàng không thứ cấp.

6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự hoặc không thực hiện các biện pháp bảo đảm khác đối với hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi.

7. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đến 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) đối với hành vi vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi vì mục đích thương mại mà không được phép hoặc không có Giấy phép kinh doanh vận chuyển hàng không.

8. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 4 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 3 Điều này.

Mục 7
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ AN NINH HÀNG KHÔNG

Điều 25. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không và giấy tờ tùy thân[66]

1. Phạt cảnh cáo đối với vi phạm lần đầu và phạt tiền từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với trường hợp tái phạm hoặc vi phạm hành chính nhiều lần đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không mà không đúng phạm vi ghi trên thẻ;

b) Không đeo thẻ kiểm soát an ninh hàng không theo quy định khi làm nhiệm vụ trong khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[67] Sử dụng thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ của người khác vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;

b)[68] Sử dụng giấy tờ nhân thân không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc; vé, thẻ lên tàu bay không do hãng hàng không có thẩm quyền xuất hoặc giấy tờ nhân thân, vé, thẻ lên tàu bay mang tên người khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay hoặc cho người khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay;

---

[66] Tên Điều này được sửa đổi theo quy định tại điểm a khoản 15 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[67] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[68] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c)[69] Cho người khác mượn thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ để vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay.

3.[70] Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với hành vi sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ không do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 26. Vi phạm quy định về an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trên chuyến bay; tại nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không

1. Phạt tiền từ 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) đến 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đối với hành vi mang rượu, chất lỏng có cồn và chất lỏng khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay không đúng quy định.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với hành vi không tuân theo sự chỉ dẫn của lực lượng kiểm soát an ninh hàng không, nhân viên hàng không tại cảng hàng không, sân bay.

3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với hành vi đe dọa, lăng mạ nhân viên hàng không, hành khách hoặc người khác tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng.

4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Gây rối, kích động, lôi kéo người khác gây rối làm mất an ninh, trật tự tại cảng hàng không, sân bay và nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

---

[69] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 15 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[70] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 15 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Vào khu vực hạn chế, lên tàu bay mà không đúng cổng, cửa quy định; không qua kiểm tra, soi chiếu an ninh hàng không;

c) Không khóa chốt cửa buồng lái tàu bay theo quy định trong thời gian tàu bay đang bay;

d) Vi phạm trật tự, kỷ luật trong tàu bay;

đ) Tung tin hoặc cung cấp thông tin sai về việc có súng, đạn, bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh, hóa học mà chưa gây ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của hoạt động hàng không dân dụng và chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Để người, hành lý, hàng hóa, bưu gửi và các đồ vật khác chưa qua kiểm tra an ninh hàng không vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;

g) Để người, phương tiện vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;

h) Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhân viên hàng không, hành khách hoặc người khác tại cảng hàng không, sân bay;

i) Đe dọa, lăng mạ nhân viên hàng không, hành khách trên tàu bay;

k) Thuê, lôi kéo hoặc xúi giục người khác đánh nhau hoặc đánh nhau tại cảng hàng không, sân bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xâm nhập trái phép vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay và khu vực hạn chế của nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng;

b) Hành hung nhân viên hàng không, hành khách, người khác tại cảng hàng không, sân bay, nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Để người, đồ vật vào buồng lái tàu bay không đúng quy định;

d) Gây rối, kích động, lôi kéo người khác gây rối làm mất an ninh, trật tự trên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép đồ vật, thiết bị hoặc tài sản trong cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

e) Đưa vật phẩm, chất nguy hiểm vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay trái quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

g) Không thực hiện đúng quy định về đăng ký, tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ, vật phẩm nguy hiểm được phép đưa vào khu vực hạn chế, lên tàu bay;

h)[71] *(được bãi bỏ);*

i) Đánh bạc hoặc để người khác lợi dụng trụ sở hoặc trên phương tiện trong khu vực cảng hàng không, sân bay hoặc trên tàu bay để đánh bạc mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

k) Không tổ chức kiểm tra an ninh tàu bay trước chuyến bay theo quy định;

l) Thuê, lôi kéo hoặc xúi giục người khác đánh nhau hoặc đánh nhau trên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

m) Giao vũ khí, công cụ hỗ trợ cho người không có đủ điều kiện, tiêu chuẩn sử dụng tại cảng hàng không, sân bay, trên tàu bay;

n) Có cử chỉ, lời nói thô bạo, khiêu khích, trêu ghẹo, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của nhân viên hàng không, hành khách trên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

6. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Xâm nhập trái phép vào tàu bay;

b) Hành hung thành viên tổ bay, hành khách, người khác trên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đưa công cụ hỗ trợ, chất dễ cháy, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao, súng săn và các loại vũ khí, đồ vật khác có hình dạng, tính năng, tác dụng tương tự vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay trái quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Phát ngôn đe dọa an toàn hàng không mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Đưa vật phẩm nguy hiểm lên tàu bay mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

7. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tung tin hoặc cung cấp thông tin sai về việc có súng, đạn, bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh, hóa học gây ảnh hưởng đến hoạt động

---

[71] Điểm này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

bình thường của hoạt động hàng không dân dụng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Cung cấp các thông tin sai có thể gây uy hiếp an toàn của tàu bay trên mặt đất; an toàn của hành khách, tổ bay, nhân viên mặt đất hoặc người tại cảng hàng không, sân bay và công trình, trang bị, thiết bị hàng không dân dụng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đưa chất nổ, vật liệu nổ, vũ khí quân dụng, chất cháy vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay trái quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

8. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Tung tin hoặc cung cấp thông tin sai về việc có súng, đạn, bom, mìn, vật liệu nổ, chất nổ, chất phóng xạ, vũ khí sinh, hóa học hoặc các thông tin khác có thể gây uy hiếp an toàn của tàu bay đang bay, người trên tàu bay đang bay;

b) Đưa chất nổ, vật liệu nổ, vũ khí quân dụng, chất cháy lên tàu bay trái quy định mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

9. Hình thức xử phạt bổ sung:

a)[72] Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các điểm b, điểm d, điểm đ, điểm i, điểm l khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này;

b) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính đối với vi phạm quy định tại điểm i khoản 5 Điều này.

10. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 5 Điều này;

b) Buộc trả lại đồ vật, thiết bị hoặc tài sản đã trộm cắp, công nhiên chiếm đoạt, chiếm giữ trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 5 Điều này.

Điều 27. Vi phạm quy định về tổ chức bảo đảm an ninh hàng không

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có đủ tài liệu tại điểm kiểm tra an ninh hàng không;

---

[72] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Không thực hiện kiểm tra trực quan ngẫu nhiên sau kiểm tra an ninh đối với hành khách, hành lý xách tay, người ra vào làm việc tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay theo quy định;

c) Không lưu trữ hồ sơ, lý lịch, sổ kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, phương tiện an ninh hàng không theo quy định;

d) Không lưu giữ tài liệu, sổ sách kiểm soát đồ vật mang vào, ra khu vực hạn chế cảng hàng không, sân bay theo quy định;

đ) Không báo cáo hoặc báo cáo không đúng quy định về đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng;

e) Bố trí nhân viên kiểm soát an ninh hàng không giám sát màn hình máy soi tia X quá thời gian quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không lưu giữ hình ảnh hoặc không lưu giữ hình ảnh qua máy soi tia X, ca-me-ra giám sát an ninh đúng thời hạn quy định;

b) Vận chuyển bị can, phạm nhân, người bị trục xuất, người bị dẫn độ, người bị bắt theo quyết định truy nã quá số lượng được phép theo quy định;

c) Không lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận hoặc không lập hồ sơ theo dõi hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận theo quy định;

d) Không có tài liệu khai thác, bảo dưỡng; quy trình quản lý, vận hành, kiểm tra, bảo dưỡng thiết bị, phương tiện;

đ) Không có quy định về quản lý, sử dụng, bảo quản, kiểm tra, bảo dưỡng;

e) Không thực hiện kiểm tra máy soi tia X, cổng từ, thiết bị phát hiện kim loại cầm tay bằng mẫu thử theo quy định;

g) Không thực hiện niêm phong an ninh đối với tàu bay, phương tiện, thiết bị, hàng hóa, suất ăn, bưu gửi theo quy định hoặc niêm phong an ninh không đúng quy định;

h) Không cung cấp Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không cho Cảng vụ hàng không theo quy định;

i)[73] Không cung cấp tờ khai an ninh cho người khai thác cảng hàng không, sân bay quá cảnh, trung chuyển và hãng hàng không theo quy định.

---

[73] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 17 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[74] Không thực hiện đúng Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận;

b) Sử dụng trang bị, thiết bị, phương tiện bảo đảm an ninh hàng không không đúng tiêu chuẩn hoặc không duy trì tiêu chuẩn áp dụng, tính năng kỹ thuật của trang bị, thiết bị, phương tiện an ninh hàng không;

c) Không có hoặc không đảm bảo các yêu cầu về hạ tầng bảo đảm an ninh hàng không theo quy định.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a)[75] Không có Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận;

b) Không thực hiện diễn tập cấp cơ sở đối phó với hành vi can thiệp bất hợp pháp theo quy định.

Mục 8
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG, SÂN BAY VÀ CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG BAY

Điều 28. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay

1. Phạt tiền từ 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) đến 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đối với hành vi hút thuốc, kể cả thuốc lá điện tử hoặc sử dụng diêm, bật lửa, vật gây cháy không đúng nơi quy định trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

---

[74] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 17 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[75] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 17 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Làm mất tác dụng hoặc để nội quy, tiêu lệnh, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay cũ mờ, không nhìn rõ chữ, ký hiệu chỉ dẫn;

b) Trang bị nội quy, tiêu lệnh, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay không đúng quy cách;

c) Không bố trí, niêm yết tiêu lệnh, biển báo, biển cấm, biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

d) Không phổ biến nội quy, quy định về phòng cháy và chữa cháy cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình;

đ) Làm che khuất phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

e) Không kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Đun nấu, đốt lửa trong cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay mà không được phép hoặc không đúng quy định;

b) Đốt hương, đốt nến, đốt vàng mã trong cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

c) Để vật phẩm nguy hiểm, chất dễ cháy trong cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay không đúng quy định;

d) Không trang bị hoặc trang bị các thiết bị phòng cháy và chữa cháy đã hết hạn kiểm định hoặc không đáp ứng tiêu chuẩn trong nhà ga, khu vực hạn chế, trên phương tiện hoạt động trong cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;

đ) Không thực hiện đúng nội quy phòng cháy, chữa cháy, phương án phòng cháy, chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định;

e) Không có biện pháp và phương tiện bảo đảm an toàn về phòng cháy và chữa cháy trong quá trình thi công, xây dựng công trình, hạng mục công trình tại cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay.

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Hút thuốc, kể cả thuốc điện tử hoặc sử dụng bật lửa, diêm hoặc vật gây cháy ở khu vực an toàn cho tàu bay hoặc kho nhiên liệu hàng không, trạm tiếp nạp nhiên liệu, khu vực cấp khí ga trong cảng hàng không, sân bay;

b) Không tổ chức kiểm tra phòng cháy và chữa cháy trong cảng hàng không, sân bay, tại cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay theo quy định.

5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không tổ chức huấn luyện, diễn tập phòng cháy và chữa cháy hàng không theo quy định;

b) Không có nội quy phòng, chống cháy nổ; phương án phòng cháy và chữa cháy theo quy định khi kinh doanh tại cảng hàng không, sân bay.

6.[76] Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.

Mục 9
VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ AN TOÀN HÀNG KHÔNG

Điều 29. Vi phạm về hệ thống quản lý an toàn hàng không (SMS) và bảo đảm chất lượng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không theo dõi đánh giá mức độ an toàn đã đạt được theo quy định;

b) Không tổ chức huấn luyện hoặc tổ chức huấn luyện không đủ về hệ thống quản lý an toàn theo quy định;

---

[76] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 18 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Không thực hiện báo cáo an toàn theo quy định;

d) Thực hiện các công việc yêu cầu phải được cấp nhân nhượng mà không được cơ quan có thẩm quyền cấp nhân nhượng theo quy định hoặc không thực hiện đúng nhân nhượng đã được cấp.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không duy trì hệ thống quản lý an toàn theo đúng tài liệu được chấp thuận, phê duyệt;

b) Không duy trì hệ thống bảo đảm chất lượng theo quy định;

c) Không thực hiện phân tích dữ liệu bay, chương trình đánh giá an toàn khai thác bay, chương trình đánh giá khoang khách theo quy định;

d) Không thực hiện nhận diện, đánh giá rủi ro hoặc không thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro, phòng ngừa sự cố, tai nạn;

đ) Mức độ an toàn chấp nhận được (ALOS) không được cơ quan có thẩm quyền phê chuẩn theo quy định;

e) Không thiết lập hệ thống báo cáo an toàn theo quy định.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không có tài liệu về hệ thống quản lý an toàn hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc chấp thuận theo quy định;

b) Không tổ chức hệ thống quản lý an toàn hàng không theo quy định.

Điều 30. Vi phạm quy định về điều tra sự cố, tai nạn hàng không

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không giao nộp chứng cứ về sự cố, tai nạn cho cơ quan có thẩm quyền khi có yêu cầu;

b) Không bảo vệ tàu bay bị sự cố hoặc tai nạn, các thiết bị, các vật trên tàu bay bị sự cố hoặc tai nạn theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không báo cáo về sự cố, tai nạn hàng không theo quy định;

b) Hủy hoại, làm sai lệch thông tin, làm hư hỏng thiết bị cần kiểm tra và các bằng chứng khác liên quan đến sự cố hoặc tai nạn hàng không.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với hành vi che giấu sự cố, tai nạn hàng không.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với hành vi không tổ chức điều tra, bình giảng, đánh giá nguyên nhân của các sự cố, tai nạn theo quy định.

5.[77] Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng giấy phép từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Chương III
THẨM QUYỀN VÀ THỦ TỤC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra

1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;

c)[78] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

---

[77] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 19 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[78] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 20 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[79] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[80] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 100.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[81] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[82] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 140.000.000 đồng;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

---

[79] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

[80] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 20 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[81] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

[82] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 20 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[83] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng không

1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;

c)[84] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 20.000.000 đồng.

2. Giám đốc Cảng vụ hàng không có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b)[85] Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[86] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[87] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

---

[83] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

[84] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 21 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[85] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 21 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[86] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[87] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 21 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 33. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;

c)[88] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[89] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d)[90] Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép[91] có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

---

[88] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 22 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[89] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

[90] Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 22 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[91] Cụm từ "chứng chỉ hành nghề" được bỏ theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.

Điều 34. Thẩm quyền của Công an nhân dân[92]

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 500.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trưởng trạm, Đội trưởng của người được quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng.

3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trưởng trạm Công an cửa khẩu, Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Quản lý xuất nhập cảnh; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát

[92] Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 23 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

cơ động, Trưởng phòng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, điểm đ, điểm e khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất;

e) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, điểm đ, điểm e, điểm n khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

6. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, điểm đ, điểm e, điểm n khoản 3 Điều 4 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thẩm quyền xử phạt theo quy định tại khoản 6 Điều này và có quyền quyết định áp dụng hình thức xử phạt trục xuất.

8. Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với các vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng trong các trường hợp sau đây:

a) Hành vi vi phạm hành chính được phát hiện trong quá trình triển khai thực hiện phương án khẩn nguy;

b) Các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng về an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại các khu vực công cộng ở cảng hàng không, sân bay hoặc do các cơ quan trong ngành hàng không dân dụng chuyển giao.

Điều 35. Lực lượng thanh tra chuyên ngành khác

Lực lượng thanh tra chuyên ngành khác được quyền xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực hàng không dân dụng theo quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này đối với các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến lĩnh vực, ngành mình quản lý.

Điều 36. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng

Lực lượng thanh tra chuyên ngành hàng không và Cảng vụ hàng không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; áp dụng hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này và các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại các văn bản sau[93]:

1. Khoản 3, 5 Điều 12 Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn.

2. Khoản 1 Điều 38, Điều 19, khoản 2, 3 Điều 31, điểm b khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 33 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

---

[93] Đoạn này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 24 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

3. Điểm a, b khoản 1, điểm d khoản 3 Điều 10, khoản 2 khoản 3 Điều 20, điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 29 và điểm a khoản 2 Điều 46 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

4. Khoản 2, điểm a khoản 3, điểm b khoản 4, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 90 Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện.

5.[94] Khoản 2 Điều 6, Điều 7, Điều 11, các khoản 1, 2 Điều 23 và khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 30 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

6. Khoản 1 Điều 14, điểm b, c, e khoản 2, khoản 4, 5, 6 Điều 15, điểm b khoản 2, điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 16 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 79/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7.[95] Điểm đ khoản 1 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 10, Điều 20, Điều 21 và điểm a khoản 1, điểm b khoản 4, 5, 6, 7, 8 Điều 22 Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

8. Khoản 3, điểm a, c khoản 4, điểm a, c khoản 5, điểm a, c khoản 6, điểm a, c khoản 7, điểm a, c khoản 8, điểm a, c khoản 9, điểm a, c khoản 10, điểm a, b khoản 11, điểm a, b khoản 12, điểm a, b khoản 13, điểm a, b khoản 14 Điều 7 và Điều 19 Nghị định số 33/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.

---

[94] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 24 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[95] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 24 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

9.[96] Các khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 12, khoản 2 Điều 14, Điều 18, khoản 2, 3 Điều 25, Điều 26, khoản 2, điểm a, điểm b khoản 4 Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.

Điều 37. Lập biên bản vi phạm hành chính

1. Những người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng bao gồm:

a) Những người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng;

b) Công chức thuộc Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam khi thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm;

c) Công chức, viên chức thuộc các Cảng vụ hàng không đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

d) Người chỉ huy tàu bay, thành viên tổ bay được người chỉ huy tàu bay giao lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay khi tàu bay đang bay.

2. Người chỉ huy tàu bay trên tàu bay mang quốc tịch Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay đang bay hoặc chuyển vụ việc cho Cảng vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay của Việt Nam nơi tàu bay hạ cánh để lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp người chỉ huy tàu bay chuyển vụ việc cho Cảng vụ hàng không lập biên bản vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu bay đang bay thì đại diện của hãng hàng không phải tham gia trong quá trình lập biên bản vi phạm hành chính để phối hợp, hỗ trợ cho Cảng vụ hàng không.

3. Khi chuyển giao vụ việc cho Cảng vụ hàng không lập biên bản vi phạm hành chính, người chỉ huy tàu bay phải bàn giao đối tượng vi phạm, kèm theo các tài liệu, chứng cứ sau đây:

a) Bản sao phần ghi vụ việc vi phạm trong nhật ký bay có chữ ký của người chỉ huy tàu bay;

---

[96] Khoản này được bổ sung theo quy định tại điểm d khoản 24 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

b) Bản tường trình của thành viên tổ bay chứng kiến vụ việc;

c) Danh sách, vị trí ngồi và những thông tin cần thiết khác của hành khách chứng kiến vụ việc xảy ra;

d) Tang vật, phương tiện thực hiện hành vi vi phạm (nếu có);

đ) Hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến hành vi vi phạm (nếu có).

Điều 38. Thu, nộp tiền phạt

1. Việc thu, nộp tiền phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng thực hiện theo quy định của pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật ngân sách.

2. Cá nhân vi phạm hành chính sau khi đã làm thủ tục cấp thẻ lên tàu bay được nộp tiền phạt cho Cảng vụ hàng không hoặc đại diện Cảng vụ hàng không.

Chương IV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 39.[97] ***(được bãi bỏ)***

Điều 40. Hiệu lực thi hành[98]

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 01 năm 2019 và thay thế Nghị định số 147/2013/NĐ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.

---

[97] Điều này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

[98] Điều 4, Điều 5 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

*"**Điều 4. Hiệu lực thi hành***

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Điều 5. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng các quy định có lợi cho tổ chức, cá nhân vi phạm.".

2. Các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị định này nếu có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 41. Tổ chức thực hiện[99]

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 09/VBHN-BGTVT

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

---

[99] Điều 6 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ, đường sắt; hàng không dân dụng; có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 quy định như sau:

*"**Điều 6. Tổ chức thực hiện***

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.".

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng